TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày 21/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo
Bà Nguyễn Thị Mùa
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Mai Thị Ngân – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-DS ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1964
Địa chỉ: ThônL, xã Đ , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Phan Văn T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị T , sinh năm: 1968 (có mặt)

Bà Vũ Thị H , sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Đội 3, thôn 10, xã Đ , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1962 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

3. 2. Ông Phan Văn H , sinh năm 1973 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Đội 3, thôn 10, xã Đ , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày12/7/2018 bà H có cho bà T và bà H vay tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Khi cho vay các bên có lập giấy vay tiền viết tay, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 12/7/2018 đế ngày 12/3/2019, lãi suất thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H , và bà T chưa trả cho bà H số tiền gốc và lãi suất nào. Vì vậy, bà H yêu cầu vợ chồng bà H , ông H vợ chồng ôngĐ , bà T có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền là 400.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 12/7/2018.

Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn bà Lưu Thị T trình bày:

Vào năm 2017 bà T có vay dùm cho bà H số tiền 300.000.000 đồng của bà H (thời gian vay cụ thế như thế nào không nhớ), khi vay các bên có lập giấy viết tay do bà H giữ. Khi vay số tiền này các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên do không có khả năng trả nợ nên đến ngày ngày12/7/2018 bà T , bà H và bà H chốt lại tổng số tiền gốc và lãi suất là 400.000.000 đồng. Khi đó các bên có lập lại giấy vay tiền viết tay, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 12/7/2018 đế ngày 12/3/2019, lãi suất thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Sau khi chốt số tiền 400.000.000 đồng và kể từ ngày 12/7/2018 thì ôngĐ (chồng bà T) đã trả được cho bà H số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng (thời gian trả bà T không nhớ) và khi trả không có lập giấy tờ gì. Kể từ đó đến nay bà T chưa trả thêm cho bà H số tiền gốc và lãi suất nào.

Nay bà H yêu cầu bà H , ông H , ôngĐ và bà T có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền là 400.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 12/7/2018 thì bà T đồng ý trả ½ số tiền trên là 200.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi mùa điều (vào khoảng tháng 3 hàng năm) số tiền gốc là 20.000.000 đồng cùng lãi suất tính theo lãi suất của Ngân hàng.

- Bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của bà T về việc vay mượn tiền của bà H nên bà H không trình bày bổ sung gì thêm. Tuy nhiên đối với số tiền hiện nay còn nợ bà H là do bà T vay dùm cho bà H nên bà H đồng ý đứng ra để trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 400.000.000 đồng cho bà H . Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà H xin được trả dần vào mùa điều (vào khoảng tháng 3) hàng năm số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính tiền lãi suất.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VănĐ trình bày:

Khi bà T và bà H vay tiền của bà H thì ôngĐ không biết, sau này bà T nói lại cho ông thì ông mới biết và ôngĐ không có ý kiến gì.

Nay bà H yêu cầu trả nợ thì ông cũng đồng ý cùng bà T trả ½ số tiền trên là

200.000.000 đồng và xin được trả dần vào mỗi mùa điều (vào khoảng tháng 3 hàng năm) số tiền là 20.000.000 đồng cùng lãi suất tính theo lãi suất của Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

- Đối với ông Nguyễn Văn H , trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H do ông H đi làm không có ở nhà, nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời trình bày kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H . Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền gốc và lãi suất là 498.453.333 đồng (Trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 98.453.333 đồng).

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Lưu Thị T và bà Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại Đội 3, thôn 10, xã Đăk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà H , bà T , ông H , ôngĐ có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền gốc vay 400.000.000 đồng và lãi suất 1,66% kể từ ngày 12/7/2018 đến nay (ngày 21/11/2019). Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy vay ngày 12/7/2018 được xác lập giữa bà H và các bị đơn bà H , bà T thì:Việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các điều 385, 401, 463 BLDS năm 2015 hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản là tiền, bà H , Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn trả nợ tháng 12/3/2019. Do bà H , Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H buộc bà H , Bà T phải có nghĩa vụ trả tổng sô tiền gốc vay 400.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bà H cho rằng đối với số tiền 400.000.000 đồng này là bà T vay dùm cho bà H mặc dù trong giấy vay mượn tiền có bà T cùng ký tên nhưng bà T không được sử dụng số tiền này nên bà H xin chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc trên cho bà H mỗi năm 20.000.000 đồng vào mỗi mùa điều hàng năm cho đến khi hết số tiền nợ gốc cho bà H và xin không tính tiền lãi suất. Tại phiên tòa ông Phan Văn T – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý cho bà H , ông H có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. Việc thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ trên là sự thỏa thuận của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà H xin trả dần số tiền 20.000.000 đồng vào mỗi mùa điều hàng năm và xin không tính tiền lãi suất thì không được ông T – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên đối với yêu cầu này của bà H không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất từ tháng 1,66% kể từ ngày 12/7/2018 đến nay (ngày 21/11/2019). Hội đồng xét xử nhận thấy: theo giấy vay tiền ngày 12/7/2018 được xác lập giữa bà H , bà H , bà T thể hiện việc thỏa thuận lãi suất 30% tháng/ triệu là vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 1,66% kể từ ngày 12/7/2018 đến nay (ngày 21/11/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lãi suất tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 21/11/2019: 400.000.000 đồng x 1.66% x 16 tháng 10 ngày = 108.453.333 đồng.

Tại phiên tòa bà T và bà H xác định trong thời gian thực hiện hợp đồng thì bà T và bà H đã trả được cho bà H số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Phan Văn T - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận bà T và bà H đã trả được số tiền lãi suất trên và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi suất mà bà H , ông H tiếp tục trả.

Theo lời khai của bà H thì bà H là người quản lý tài chính trong gia đình. Mục đích vay tiền là để xây nhà và sử dụng vào mục đích chung của gia đình, ngoài ra khi vay tiền thì ông H cũng biết. Do vậy cần buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ số tiền gốc và lãi suất trên cho H .

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất bà Vũ Thị H và ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc và lãi suất là 508.453.333 đồng (Trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 108.453.333 đồng), được trừ vào số tiền lãi

suất 10.000.000 đồng đã trả trước đó. Số tiền còn lại 498.453.333 đồng (Trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 98.453.333 đồng) bà H , ông H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà H .

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H và ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

[8] Các vấn đề khác, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H .

Buộc bị đơn bà Vũ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 498.453.333 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất là 98.453.333 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Vũ Thị H và ông Phan Văn H phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.938.133 đồng.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 11.460.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0019853 ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Ngọc Ánh